

**Phụ lục: BIỂU TỔNG HỢP THỬA ĐẤT, TỜ BẢN ĐỒ, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT ĐỀ NGHỊ CHO CÔNG TY TNHH VSIP NGHỆ AN THUÊ ĐẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh)*

| STT                                    | Thửa đất số | Tờ bản đồ | Bản đồ đặc số                     | Địa chỉ                      | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Loại đất | Ghi chú                    |
|----------------------------------------|-------------|-----------|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------|----------------------------|
| <b>I. Khu công nghiệp giai đoạn 1B</b> |             |           |                                   |                              | <b>14.537,7</b>             |          |                            |
| 1                                      | 1732        | 26        | 301/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 8.005,1                     | SKK      | QH cây xanh cách ly        |
| 2                                      | 3170        | 27        | 301/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 15,7                        | SKK      | QH xây dựng Nhà máy        |
| 3                                      | 3171        | 27        | 301/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 2.496,3                     | SKK      | Quy hoạch đường nội bộ     |
| 4                                      | 3172        | 27        | 301/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 2.639,5                     | SKK      | Quy hoạch đất hỗn hợp      |
| 5                                      | 3173        | 27        | 301/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 211,7                       | SKK      | Quy hoạch đất hỗn hợp      |
| 6                                      | 3935        | 42        | 608/2025/BĐBS/VPĐK ngày 31/7/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 1.169,4                     | SKK      | QH cây xanh cách ly        |
| <b>II. Khu công nghiệp giai đoạn 2</b> |             |           |                                   |                              | <b>18.760,0</b>             |          |                            |
| 1                                      | 925         | 10        | 302/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 377,3                       | SKK      | Quy hoạch xây dựng nhà máy |
| 2                                      | 926         | 10        | 302/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 55,9                        | SKK      | Quy hoạch xây dựng nhà máy |
| 3                                      | 927         | 10        | 302/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 694,1                       | SKK      | Quy hoạch xây dựng nhà máy |
| 4                                      | 1607        | 13        | 302/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 448,9                       | SKK      | Quy hoạch xây dựng nhà máy |
| 5                                      | 1608        | 13        | 302/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 483,7                       | SKK      | Quy hoạch đất hỗn hợp      |
| 6                                      | 1609        | 13        | 302/2025/BĐBS/VPĐK ngày 23/5/2025 | xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An | 288,6                       | SKK      | Quy hoạch cây xanh cách ly |

| STT                   | Thửa<br>đất<br>số | Tờ<br>bản<br>đồ | Bản đo đạc số                        | Địa chỉ                            | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Loại<br>đất | Ghi chú                          |
|-----------------------|-------------------|-----------------|--------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|-------------|----------------------------------|
| 7                     | 723               | 4               | 302/2025/BĐBS/VPĐK<br>ngày 23/5/2025 | xã Hưng<br>Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An | 251,9                          | SKK         | Quy hoạch<br>cây xanh<br>cách ly |
| 8                     | 724               | 4               | 302/2025/BĐBS/VPĐK<br>ngày 23/5/2025 | xã Hưng<br>Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An | 452,7                          | SKK         | Quy hoạch<br>đường giao<br>thông |
| 9                     | 2385              | 8               | 302/2025/BĐBS/VPĐK<br>ngày 23/5/2025 | xã Hưng<br>Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An | 14002                          | SKK         | Quy hoạch<br>xây dựng nhà<br>máy |
| 10                    | 2386              | 8               | 302/2025/BĐBS/VPĐK<br>ngày 23/5/2025 | xã Hưng<br>Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An | 43,9                           | SKK         | Quy hoạch<br>xây dựng nhà<br>máy |
| 11                    | 2387              | 8               | 302/2025/BĐBS/VPĐK<br>ngày 23/5/2025 | xã Hưng<br>Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An | 1622,7                         | SKK         | Quy hoạch<br>đường giao<br>thông |
| 12                    | 2388              | 8               | 302/2025/BĐBS/VPĐK<br>ngày 23/5/2025 | xã Hưng<br>Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An | 38,3                           | SKK         | Quy hoạch<br>cây xanh<br>cách ly |
| <b>Tổng cộng=I+II</b> |                   |                 |                                      |                                    | <b>33.297,7</b>                |             |                                  |